

Số: 5181/2024/QĐST-HNGĐ

Thành phố Thủ Đức, ngày 12 tháng 11 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213, Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ vào các Điều 51, Điều 55, Điều 58, Điều 68, Điều 69, Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;
Căn cứ Luật Phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;
Sau khi nghiên cứu hồ sơ hôn nhân gia đình thụ lý số 2018/2024/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2024 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Bà Lại Thị Ngọc N – Sinh năm: 1996 – Số CCCD: 035196001666
Địa chỉ thường trú: Thôn Đ, Thiệu G, Thiệu H, Thanh Hóa
Trú tại: Số 74/7 đường Nguyễn Cừ, phường Thảo Điền, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Ông Lê Đình H1 – Sinh năm: 1992 – Số CCCD: 038092005899
Địa chỉ thường trú: Thôn Đ, Thiệu G, Thiệu H, Thanh Hóa
Trú tại: Số 74/7 đường Nguyễn Cừ, phường Thảo Điền, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 04/11/2024, bà Lại Thị Ngọc N và ông Lê Đình H1 đã thỏa thuận được về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung.

[2] Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 04/11/2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

- Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lại Thị Ngọc N và ông Lê Đình H1 thuận tình ly hôn

- Về con chung: Bà Lại Thị Ngọc N và ông Lê Đình H1 cùng trình bày có 02 con chung là Lê Đình Hải H2 (giới tính nam, sinh ngày 19/5/2018) và Lê Đình Hải N1 (giới tính nam, sinh ngày 11/6/2016). Bà Lại Thị Ngọc N và ông Lê Đình H1 thỏa thuận giao con chung tên cho Lê Đình Hải N1 cho ông Lê Đình H1 trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung tên Lê Đình Hải H2 cho bà Lại Thị Ngọc N trực tiếp nuôi dưỡng; bà N và ông H1 không cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi quyền nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm con của người đó.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Lại Thị Ngọc N và ông Lê Đình H1 cùng trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí việc hôn nhân sơ thẩm là 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) do bLại Thị Ngọc N2 và ông Lê Đình H1 cùng chịu; được khấu trừ vào tiền tạm ứng lệ phí mà bà Lại Thị Ngọc N và ông Lê Đình H1 đã nộp là 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai nộp tiền tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0043707 ngày 01/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Lại Thị Ngọc N và ông Lê Đình H1 đã nộp đủ tiền lệ phí việc hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

3. Giấy chứng nhận kết hôn số 15 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa đăng ký ngày 14 tháng 4 năm 2017 không còn giá trị kể từ ngày quyết định này có hiệu lực pháp luật.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND TP. Thủ Đức;
- Chi cục THADS TP. Thủ Đức;
- UBND X.Thiệu Giao, H.Thiệu Hóa, Thanh Hóa;
- Lưu:VT, HS.

THẨM PHÁN

Lưu Hải Quỳnh Anh